

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2024

“Về việc: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Sang và bà Nguyễn Thị Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Ngọc A, sinh năm 2001.

HKTT: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện tại: Thôn 2, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Anh Đào Đình T, sinh năm 1985.

HKTT: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn – chị Phạm Thị Ngọc A trình bày:

Chị và anh Đào Đình T quen nhau trong thời gian cả hai cùng làm tại Đồng Nai. Anh, chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 16/9/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại thôn N, xã T. Vợ chồng vui vẻ, hòa thuận được khoảng 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng mới cưới, chị theo chồng về sinh sống ở một nơi hoàn toàn xa lạ, ngoài

chồng và gia đình chồng chị không có người thân nào khác nhưng anh T không có sự chia sẻ, cảm thông, tôn trọng chị mà anh thường xuyên uống rượu say và có những lời lẽ xúc phạm danh dự của chị, chị đã tham gia góp ý, anh ấy không thay đổi, thậm chí còn chửi và dọa đánh đuổi chị. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân mới bắt đầu nhưng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Do cuộc sống vợ chồng không có tương lai, hạnh phúc nên tháng 10/2022, chị bỏ về gia đình bố mẹ đẻ trong Đắc Lắc ở không quay lại chung sống cùng anh T nữa, từ đó đến nay anh T không tìm mà chỉ nhắn tin chửi bới, xúc phạm chị và gọi điện, nhắn tin cho mẹ chị nói những lời lẽ thiếu chuẩn mực. Thời gian gần đây giữa chị và anh T không còn liên lạc với nhau và cũng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Chị xác định vợ chồng chỉ duy trì cuộc sống được một thời gian rất ngắn là phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Tình cảm giữa chị và anh T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn- anh Đào Đình T trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Ngọc A đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại thôn N, xã T. Trong thời gian ngắn chung sống, anh phát hiện chị Ngọc A đã lừa dối, phản bội anh, không chung thủy với anh mà có mối quan hệ với người khác, anh đã nhắc nhở và bỏ qua nhưng chị Ngọc A vẫn không thay đổi. Vợ chồng xảy ra xung đột, chị Ngọc A có những lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng anh. Vợ chồng duy trì cuộc sống chung được thời gian ngắn thì chị Ngọc A tự bỏ về Đắc Lắc ở không quay lại chung sống cùng anh nữa. Anh xác định giữ người ở chứ không giữ được người đi nên anh cũng không tìm chị Ngọc A về đoàn tụ. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống nhau. Chị Ngọc A xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Ngọc A không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc A, xử cho chị Phạm Thị Ngọc A được ly hôn anh Đào Đình T.

- Về quan hệ con chung: Không có.

- Về quan hệ tài sản: Chị Ngọc A, anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chị Ngọc A, anh T đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, chị nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Đào Đình T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 16/9/2022, là hôn nhân hợp pháp.

Chị Ngọc A, anh T đều xác định vợ chồng duy trì cuộc sống chung được thời gian ngắn thì hai bên đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng nhau về sự chung thủy. Từ khi ly thân (khoảng tháng 10/2022) đến nay, cả hai bên cùng không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn để đoàn tụ. Chị Ngọc A xin ly hôn, anh T nhất trí, tuy nhiên cả chị Ngọc A và anh T đều đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Ngọc A và anh T không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Ngọc A được ly hôn anh T, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Ngọc A, anh T xác định vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị Ngọc A, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Ngọc A khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng

dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc A, xử cho chị Phạm Thị Ngọc A được ly hôn anh Đào Đình T.

2- Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002158 ngày 29/3/2024.

3- Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Đào Đình T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Quyên